

QUY TẮC CƯ TRÚ TRONG HÔN NHÂN

PHAN HỮU DẬT

Hình thái cư trú trong hôn nhân là một trong những vấn đề quan trọng của dân tộc học. Nội dung của vấn đề này là: sau khi kết hôn, hai vợ chồng mới cưới cùng nhau cư trú ở đâu, bên phía gia đình chồng hay bên phía gia đình vợ, hoặc ở một nơi nào khác? Đây là nói đến nơi cư trú chung của những người khác giới để xây dựng gia đình, để tế bào này của xã hội thực hiện những chức năng của nó.

Hình thái cư trú trong hôn nhân đối với vấn đề hôn nhân và gia đình quan trọng tới mức các nhà nghiên cứu không thoả mãn thuật ngữ hình thái cư trú và đã sử dụng thuật ngữ quy tắc cư trú trong hôn nhân (tiếng Pháp: Règles de résidence; tiếng Anh: Residence rules).

Quả vậy, hình thái cư trú trong hôn nhân không mang ý nghĩa hình thức. Nó không phải nói lên một cách đơn giản nơi cư trú của hai vợ chồng mới cưới. Sự thật nó mang một ý nghĩa xã hội sâu sắc, là một thiết chế trong hôn nhân, được tập tục quy định mà mọi người phải tuân thủ, không ai được xem nhẹ, và tùy tiện làm theo ý kiến riêng của mình. Hình thái cư trú trong hôn nhân là do tính chất của xã hội và tính chất của gia đình quy định. Nó quan hệ với việc tính huyết tộc (theo tử hệ), và cùng với tử hệ là những bộ phận quan trọng cấu thành hệ thống thân tộc của xã hội loài người.

Tâm quan trọng của hình thái cư trú trong hôn nhân là ở chỗ qua nó ta có thể thấy được trình độ phát triển xã hội, hình thái hôn nhân và gia đình của đôi vợ chồng mới cưới. Ví dụ: Nếu là trường hợp hôn nhân vợ cư trú bên chồng, ta có thể đoán định xã hội của đôi vợ chồng mới cưới xã hội phụ quyền và gia đình của họ là gia đình phụ quyền (tiểu gia đình hay đại gia đình). Nếu đó là trường hợp hôn nhân chồng cư trú bên vợ thì đó là xã hội và gia đình mẫu quyền. Cũng có trường hợp, đó là xã hội và gia đình phụ quyền nhưng còn bảo lưu nhiều tàn dư của chế độ mẫu quyền. Cuộc sống loài người tuy theo quy luật phát triển chung nhưng phong phú đa dạng. Về mối quan hệ giữa hình thái cư trú trong hôn nhân và việc tính huyết thống, theo nhà dân tộc học Pháp Lévi-Strauss, có những trường hợp hài hoà, tương đồng, (như hôn nhân cư trú bên vợ, tính huyết thống theo dòng mẹ và hôn nhân cư trú bên chồng, tính huyết tộc theo dòng bố, nhưng cũng có những trường hợp không hài hoà, không tương đồng (như hôn nhân cư trú bên vợ, tính huyết tộc theo dòng bố và hôn nhân cư trú bên chồng, tính huyết tộc theo dòng mẹ)⁽¹⁾.

Vấn đề càng lý thú hơn là qua hình thái cư trú trong hôn nhân có khi ta không chỉ thấy được tính chất xã hội của cặp vợ chồng đang sống mà còn thấy được tàn dư của một giai đoạn xã hội đã qua, hiện còn bảo lưu trong chế độ xã hội ngày nay của cặp vợ chồng. Ví dụ: Nếu ở một dân tộc nào đó, tồn tại hình thái cư trú luân phiên, nghĩa là sau khi cưới hoặc đôi vợ chồng cư trú bên phía vợ một thời gian theo luật tục, sau đó họ mới chuyển sang cư trú bên chồng hoặc trái lại, và cứ như vậy mà luân phiên, hoặc tồn tại hình thái cư trú sau hôn nhân theo sự thoả thuận của đôi vợ chồng và gia đình của họ

(cư trú bên chồng hoặc bên vợ), ở đây ta thấy dấu vết của sự chuyển tiếp từ chế độ mẫu quyền sang chế độ phụ quyền, cũng như dấu vết của sự chuyển tiếp từ hôn nhân cư trú bên vợ sang hôn nhân cư trú bên chồng. Hoặc giả với hình thái cư trú bên ông cậu của người chồng, nghĩa là sau khi cưới, đôi vợ chồng mới cưới chuyển đến cư trú bên ông cậu (anh em trai của mẹ) của người chồng, ta có thể thấy xã hội của họ là xã hội phụ quyền nhưng còn mang tàn dư của xã hội mẫu quyền, ở đây là tập tục quyền cữu phụ (avunculat).

Dân tộc học thế giới từ trước tới nay đã có quan tâm nghiên cứu về vấn đề này. Tuy sự quan tâm còn chưa tương xứng với tầm quan trọng của vấn đề, nhưng cũng có ít nhiều công trình có giá trị. Ta có thể kể các công trình của A.Alland⁽²⁾, của P.Bohannan⁽³⁾, của J.L.Fischer⁽⁴⁾, của W.H.Goodenough⁽⁵⁾, của G.P.Murdock⁽⁶⁾, của C.Lévi-Strauss⁽⁷⁾, của R.Fox⁽⁸⁾, của J.Guiart⁽⁹⁾, v.v.

Điểm qua lịch sử nghiên cứu vấn đề, ta thấy rõ các hình thái cư trú trong hôn nhân của các dân tộc trên thế giới còn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Có vấn đề cho tới nay vẫn còn hoàn toàn nằm trong giả thuyết. Ví như trường hợp hình thái cư trú bên cô (chị em gái của bố) của vợ. Thuật ngữ này theo tiếng Pháp là *Résidence amitalocale*. (Tiếng La tinh *Amita-ac* của vợ là cô, chị em gái của bố). Những người đầu tiên đặt ra thuật ngữ này là R.M.Lowie và G.P.Murdock, theo mẫu *Résidence avunculocale*, hôn nhân cư trú bên cậu (anh em trai của mẹ) chồng. Nội dung của hình thái cư trú bên cô của vợ là sau lễ cưới, đôi vợ chồng chuyển đến cư trú trong nhà, hoặc một nơi trên mảnh đất gần nhà của chị em gái của bố vợ. Hình thái hôn nhân này cho tới nay vẫn nằm trong phạm vi lý thuyết. Dân tộc học thế giới cho đến nay vẫn chưa tìm được một dẫn chứng nào cụ thể, có sức thuyết phục về hình thái hôn nhân này.⁽¹⁰⁾

Cũng có trường hợp một hình thái hôn nhân nào đó rất hiếm hoi. Đó là hình thái hôn nhân hai nơi cư trú, (tiếng Pháp là *Résidence duolocale*). Đây là trường hợp hiếm hoi của người Nayar ở miền Tây Nam Ấn Độ, ở bờ biển Malabar. Trong xã hội Nayar con trai đến tuổi trưởng thành phải nhập ngũ, hết thời hạn quân ngũ trở về cư trú nơi mình sinh ra, còn con gái, đàn bà, trong khi chồng ở quân ngũ thì phục vụ trong các gia đình giáo sĩ Bà-La-Môn giáo, vẫn gắn bó với nơi sinh mình ra, khi hết thời gian phục vụ thì trở về nhà bố mẹ đẻ mình. Hình thái cư trú hai nơi này cũng là nguyên nhân làm cho đời sống đôi vợ chồng không được bền vững.⁽¹¹⁾

Căn cứ tình hình khoa học ngày nay về các hình thái cư trú trong hôn nhân, ta có thể nhận xét rằng: loài người từ trước tới nay có 3 hình thái cư trú trong hôn nhân chủ yếu, đó là các hình thái hôn nhân cư trú bên vợ, hôn nhân cư trú bên chồng và hôn nhân có nơi trú mới. Trong 3 hình thái cư trú trong hôn nhân đó, hình thái hôn nhân cư trú bên vợ chính xác hơn, bên mẹ vợ (tiếng Pháp *Résidence matrilocale*) là hình thái cư trú nói chung tương ứng với thời kỳ mẫu quyền, mẫu hệ, một thời kỳ mà hiện nay phần lớn loài người đã trải qua và đó đây còn giữ lại dưới dạng tàn dư. còn hình thái cư trú bên chồng, chính xác hơn, bên bố chồng (tiếng Pháp *Résidence patrilocale*) là hình thái cư trú hiện nay ở đại bộ phận của xã hội loài người, sống trong thời kỳ phụ quyền và phụ hệ. Còn hình thái cư trú mới trong hôn nhân (tiếng Pháp *Résidence néolocale*) tức là sau hôn nhân, đôi vợ chồng không cư trú bên phía vợ, cũng không cư trú bên phía chồng, mà xây dựng nơi cư trú mới ở chung và riêng biệt, có khi nơi ở cách rất xa nơi ở của gia đình chồng và gia đình vợ. Đây là hình thái trong hôn nhân ngày càng được phổ

biến và mở rộng cùng với sự phát triển của xã hội, tỷ lệ thuận với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hoá và hiện đại hoá các quốc gia trên thế giới.

Ngoài 3 hình thái cư trú chủ yếu trong hôn nhân nói trên, dân tộc học thế giới còn cho ta một số hình thái cư trú trong hôn nhân có tính chất quá độ và trung gian nữa.

Căn cứ vào các tài liệu khoa học về vấn đề này, ta có thể nêu các hình thái cư trú trong hôn nhân như sau:

1. Hôn nhân cư trú hai nơi, hoặc vợ và chồng sau hôn lễ, tiếp tục cư trú riêng rẽ, mỗi người một nơi, tại nơi mình đã sinh ra (tiếng Pháp *Résidence duolocale* hay còn gọi là *natolocale*). Ví dụ: người Nayar.

2. Hôn nhân cư trú trong nhà mẹ vợ (tiếng Pháp *Résidence matrilocale*)(¹²), với nội dung là sau hôn lễ chồng sang cư trú với vợ, trong nhà mẹ vợ. Đây là trường hợp của người Irôqua thổ dân Bắc Mỹ trước kia (¹³), nay là người Menang Kabau ở Indônêxia và người Ashanti ở Châu Phi (¹⁴).

3. Hôn nhân cư trú trong một nhà dựng trên mảnh đất gần nhà mẹ vợ (tiếng Pháp *Résidence uxurilocale*, hoặc *Résidence matri - uxurilocale*)(¹⁵). Theo hình thái cư trú này, sau hôn lễ chồng chuyển sang cư trú bên vợ, trong một nhà trên mảnh đất hoặc gần nhà mẹ vợ.

4. Hôn nhân cư trú bên cậu (anh em trai của mẹ chồng), (tiếng Pháp *Résidence avunculocale*, hoặc *Résidence viri- avunculocale* hay *Résidence avuncu - virilocale*)(¹⁶). Sau khi kết hôn hai vợ chồng mới cưới đến cùng cư trú bên phía anh em trai của mẹ chồng, tức của cậu chồng. Ví dụ về trường hợp này là cư dân đảo Trobriand thuộc quần đảo Mêlanêdi.(¹⁷)

5. Hôn nhân lúc đầu cư trú bên vợ, sau một thời gian mới chuyển hẳn, vĩnh viễn sang cư trú bên chồng. (Tiếng Pháp là *Résidence matri- patrilocale*). Theo hình thái cư trú này, sau hôn lễ, đôi vợ chồng mới cưới lúc đầu cư trú ở nhà bố mẹ đẻ của vợ, sau một thời gian quy định theo tập tục, hai vợ chồng (và con cái nếu có) mới chuyển hẳn sang cư trú bên phía chồng.(¹⁸)

6. Hôn nhân cư trú trong nhà bố chồng (Tiếng Pháp *Résidence patrilocale*). Sau khi kết hôn, 2 vợ chồng mới cưới cư trú trong nhà bố mẹ chồng. Đây là hình thái cư trú trong hôn nhân phổ biến của xã hội phụ quyền. Ví dụ như người Hy Lạp và người La mã thời nguyên thủy, người Nga, Hà lan, người Hán...(¹⁹)

7. Hôn nhân cư trú trong một nhà trên mảnh đất hoặc gần nhà của bố mẹ chồng.(Tiếng Pháp *Résidence virilocale*, hoặc *Résidence patri- virilocale*).(20)(21). Theo hình thái cư trú này, sau hôn lễ hai vợ chồng đến cư trú trong một nhà, trên mảnh đất hoặc gần nhà của bố mẹ chồng.

8. Hôn nhân cư trú bên cô (chị em gái của bố) của vợ (Tiếng Pháp *Résidence amitalocale*). Như đã nói ở trên, đây là giả thuyết khoa học, hoàn toàn trên lĩnh vực lý thuyết, chưa tìm ra được dẫn chứng cụ thể.

9. Hôn nhân cư trú bên vợ hay bên chồng là do sự thoả thuận (Tiếng Pháp *Résidence bilocale* hay *ambilocale*). Nội dung như sau: sau khi kết hôn, hai vợ chồng thoả thuận với nhau về nơi cư trú chung, hoặc là bên vợ hoặc là bên chồng. Sự lựa chọn này là do sở thích của cặp vợ chồng, nhưng thường thường nhân tố quyết định sự lựa chọn nơi cư trú là địa vị xã hội, sự giàu có của gia đình bên này hoặc bên kia. Cũng có khi là do sự thuận tiện (Dẫn chứng về trường hợp này là cư dân đảo Gilbert ở Thái bình dương)(²²)

10. Hôn nhân cư trú luân phiên (tiếng Pháp *Résidence alternée*). Sau hôn lễ đôi vợ chồng mới cưới, chọn nơi cư trú, ví dụ bên vợ, sau một thời gian nhất định chẳng hạn một năm theo luật tục quy định, thì đôi vợ chồng (cả con cái nếu có), chuyển sang cư trú bên chồng. Sau một năm lại về cư trú bên vợ. Cứ thế luân phiên nhau. Cư dân đảo Dobu thuộc quần đảo Mélanédi, Tây Thái Bình Dương, cho ta ví dụ rõ ràng và cụ thể về hình thái cư trú này trong hôn nhân⁽²³⁾.

11. Hôn nhân với nơi cư trú mới (Tiếng Pháp, *Résidence néolocale*)⁽²⁴⁾. Nội dung là: đôi vợ chồng sau khi kết hôn, không cư trú bên chồng, cũng không cư trú bên vợ, mà chọn một nơi cư trú hoàn toàn mới, có khi cách rất xa nơi cư trú của gia đình cả hai bên. Đây là trường hợp cư trú của cư dân thời hiện đại ở các đô thị, thành phố v.v..

Ngoài ra trong các công trình nghiên cứu liên quan đến hình thái cư trú trong hôn nhân, ta thấy có khi bắt gặp một số thật ngữ, khái niệm chưa rõ ràng, cần phải tiếp tục nghiên cứu mới xác định chính xác được, ví như các thuật ngữ: *Co-résidence*, *unilocale*, *dislocat*, *plurilocat*...

Điểm lại các công trình nghiên cứu dân tộc học Việt Nam thời gian qua, ta thấy có sự quan tâm đến các hình thái cư trú trong hôn nhân. Nhưng cho đến nay ta vẫn còn chưa thấy một công trình nào nghiên cứu vấn đề này một cách toàn diện và có hệ thống, chưa có một công trình nào từ việc nghiên cứu các hình thái cư trú trong hôn nhân, nói về mối quan hệ giữa hình thái cư trú trong hôn nhân với việc tính tử hệ (theo huyết thống), giữa hình thái cư trú trong hôn nhân với hệ thống thân tộc, giữa hình thái cư trú trong hôn nhân với hình thái gia đình và chế độ xã hội, chưa từ vấn đề đó để nói về đặc điểm văn hoá tộc người v.v.... Tuy vậy trong nhiều công trình nghiên cứu dân tộc học ở nước ta, từ các sách đến các bài báo, đặc biệt khi giới thiệu đời sống mọi mặt của từng dân tộc cụ thể ở nước ta, đều có nói đến các hình thái cư trú trong hôn nhân. Tiêu biểu nhất là công trình "*Les ethnies minoritaires du Việt Nam*" của tập thể tác giả Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng⁽²⁵⁾ mặc dù trong đó khi viết về một số dân tộc như Thổ, Xơ-đăng, Mảng, Cơ-tu, Tà-ôi, Nùng, Giáy, Lào, Lự, La Chí, Cơ Lao, Pu Péo, các tác giả, không đề cập đến hình thái cư trú trong hôn nhân, còn đại bộ phận các dân tộc nước ta thì vấn đề này có được quan tâm đến. Công trình nói trên đã cung cấp cho ta những tài liệu rất tốt để tìm hiểu các hình thái cư trú trong hôn nhân của các dân tộc nước ta.

Điểm đầu tiên và tổng quát có thể nhận xét là các dân tộc nước ta cũng có 3 hình thái cư trú trong hôn nhân chủ yếu như các dân tộc trên thế giới. Sự tương đồng giữa các dân tộc nước ta và các dân tộc trên thế giới không chỉ thể hiện ở các hình thái chủ yếu cư trú trong hôn nhân, mà còn giống nhau ở vị trí lịch sử của từng hình thái đó và xu thế phát triển trong tương lai của chúng. Các dân tộc nước ta cũng có một số hình thái có tính chất quá độ hay trung gian về cư trú trong hôn nhân, cố nhiên các hình thái quá độ này không hoàn toàn giống các hình thái quá độ của các dân tộc trên thế giới. Điều này nói lên rằng so với các dân tộc trên thế giới, về hình thái cư trú trong hôn nhân, ta có những nét chung, đồng thời có những nét riêng, có tính chất đặc thù. Như vậy một lần nữa, tài liệu về quy tắc cư trú trong hôn nhân cho ta thấy sự thống nhất trong đa dạng của sự phát triển văn hoá nhân loại. Nó cung cấp cho ta thêm cứ liệu khoa học để bác bỏ mọi biểu hiện của học thuyết phân biệt chủng tộc.

Trong khi tìm hiểu các hình thái cư trú trong hôn nhân của các dân tộc nước ta, có một vấn đề cần phải xem xét thêm. Đó là tục ở rể của một số dân tộc nước ta, ví dụ

các dân tộc Thái, Kháng, Xinh-mun, Cống, Lự, v.v... Tập tục ở rể có phải là tàn dư của chế độ mẫu hệ trước kia trong chế độ phụ hệ sau này không? Việc ở rể (nghĩa là sau khi kết hôn, người chồng sang ở nhà người vợ một thời gian và lao động cho gia đình vợ để bù cho gia đình vợ sự tổn thất một nhân công lao động, do phải gả con gái đi lấy chồng) có phải đây là hình thái hôn nhân cư trú bên phía vợ không? Tôi nghĩ về hình thức thì như vậy, nhưng trên thực chất là không phải. Hình thái cư trú trong hôn nhân là một điều bắt buộc không miễn trừ bất kỳ ai. Đằng này, chế độ ở rể thời gian ngắn dài có thể tùy tiện rút bớt, thậm chí thời gian gần đây đối với tầng lớp trên có của, không hiếm trường hợp nhà trai nộp tiền của cho nhà gái để không thực hiện chế độ ở rể, lao động cực nhọc không công cho nhà vợ.

Sau đây là một số hình thái cư trú trong hôn nhân của các dân tộc nước ta.

1. *Hình thái cư trú hai nơi.* Cho đến nay tài liệu điền dã dân tộc học chưa cung cấp được cứ liệu nào về hình thái cư trú này. Theo nhà dân tộc học Cẩm Trọng, trong huyền thoại của người Tây Bắc nước ta, có nói đến hai Mường, Mường đàn ông ở trên, Mường đàn bà ở dưới. Có lẽ đây là hình ảnh xa xăm của hình thái cư trú hai nơi trong hôn nhân chăng? Theo tôi nghĩ, nếu hình thái cư trú này có thật trong lịch sử loài người, đây là hình thái cổ xưa nhất, có thể là hình thái xuất phát điểm, đầu tiên trong lịch sử phát triển các hình thái cư trú trong hôn nhân của loài người.

2. *Hôn nhân cư trú bên phía vợ, cụ thể trong cùng chung một nhà với mẹ vợ.* Có thể nói các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Đảo ở miền Nam nước ta như Gia-rai⁽²⁶⁾, Ê-đê⁽²⁷⁾, Chăm⁽²⁸⁾, Raglai⁽²⁹⁾, Chu-ru⁽³⁰⁾ và 1 số dân tộc khác như Cơ-ho⁽³¹⁾, Chơ-Ro⁽³²⁾ v.v.,, đều có hình thái cư trú này trong hôn nhân.

3. *Hôn nhân cư trú bên phía vợ, cụ thể trong một nhà, trên mảnh đất, hoặc gần nhà của mẹ vợ.*

Có thể nghĩ rằng một số dân tộc nước ta có hình thái cư trú trong hôn nhân này. Nhưng vì không chú ý đến sự phân loại này, nên các nhà nghiên cứu nước ta, chỉ đề cập hình thái cư trú bên vợ nói chung mà thôi. Tuy vậy ta cũng có một dẫn chứng cụ thể. Đó là trường hợp nhiều người Khơ-me ở đồng bằng sông Cửu Long, có tập tục cư trú bên vợ, sau ít năm hoặc có con thì ra ở riêng, nhưng vẫn ở bên phía ngoại cụ thể là "cát nhà ở sát ngay bên cạnh nhà bố mẹ vợ trong cùng một phum"⁽³³⁾.

4. *Hôn nhân cư trú bên cậu (anh em trai của mẹ) của chồng.* Tài liệu dân tộc học Việt Nam hiện nay vẫn chưa có dẫn chứng về hình thái cư trú trong hôn nhân này. Nhưng theo nhà dân tộc học Cẩm Trọng, người Thái Tây Bắc nước ta trước đây, và hiện nay người Thái Đen ở Bình Lự, Phong Thổ, Lai Châu có hiện tượng này. Dấu vết của hình thái cư trú này ta có thể tìm thấy trong bản tính ca "Sống chụ xôn xao" của người Thái.

5. *Hôn nhân cư trú lúc đầu là bên vợ sau một thời gian nhất định theo luật tục qui định, mới chuyển sang hẳn cư trú bên chồng.* Dân tộc Nùng nước ta cho ta ví dụ sinh động về hình thái này. Người Nùng có tập tục cô dâu sau khi về nhà chồng 1 thời gian, trở lại nhà bố mẹ đẻ của mình, ở lại đó cho đến khi sắp sinh con đầu lòng mới chuyển hẳn sang ở nhà chồng⁽³⁴⁾. Người Sán Chay sau lễ cưới, vợ chồng ở bên vợ 2 - 3 năm, mới dời hẳn về ở nhà chồng⁽³⁵⁾. Một bộ phận người Tày ở Bắc Quang Hà Giang cũng có tập tục này.

6. *Hôn nhân cư trú bên chồng, cụ thể trong cùng chung một nhà với bố chồng.* Tài liệu dân tộc học Việt Nam cung cấp cho ta nhiều tài liệu về hình thái này. Nói chung, các dân tộc theo chế độ xã hội phụ quyền, với sự tồn tại của gia đình phụ quyền (tiểu gia đình hay đại gia đình dưới dạng tàn dư) đều có hình thái cư trú này. Đó là trường hợp các dân tộc Việt, Mường, Chứt⁽³⁶⁾, Xtiêng⁽³⁷⁾, Vân Kiều⁽³⁸⁾, Khơ-mú⁽³⁹⁾, Ma⁽⁴⁰⁾, Co⁽⁴¹⁾ Ở đù⁽⁴²⁾, Brâu⁽⁴³⁾, Thái⁽⁴⁴⁾, Sán Chay⁽⁴⁵⁾, Bó Y⁽⁴⁶⁾, Hmông⁽⁴⁷⁾ Dao⁽⁴⁸⁾, Pà Thẻn⁽⁴⁹⁾, Hán⁽⁵⁰⁾, Sán Diù⁽⁵¹⁾, Ngái⁽⁵²⁾ Phù Lá⁽⁵³⁾, Lô Lô⁽⁵⁴⁾, Si-La⁽⁵⁵⁾ v.v...

7. *Hôn nhân cư trú bên chồng, cụ thể trong nhà trên mảnh đất hoặc gần nhà của bố chồng.* Cũng như hình thái cư trú trong một nhà gần nhà của mẹ vợ, hình thái hôn nhân cư trú trong một nhà gần nhà của bố chồng, chưa được các nhà nghiên cứu nước ta nêu lên, nhưng chắc chắn không phải là không có, mà chỉ vì chưa chú ý đến sự phân loại này mà thôi.

8. *Hôn nhân cư trú bên cô (chị em gái của bố) của vợ.* Cũng như đối với dân tộc học thế giới, cho đến nay dân tộc học Việt Nam chưa có dẫn chứng nào về hình thái cư trú này trong hôn nhân.

9- *Hôn nhân cư trú bên vợ hay bên chồng là do sự thoả thuận của đôi vợ chồng và gia đình hai bên.* Đôi khi sự thuận tiện, thuận lợi, hoặc địa vị, tài sản của gia đình chồng hay vợ là yếu tố quyết định nơi cư trú. Tài liệu dân tộc học Việt Nam cho ta các dẫn chứng về hình thái cư trú này ở người Ba-na⁽⁵⁶⁾, ở người Giẻ-Triêng⁽⁵⁷⁾ ở người Hre⁽⁵⁸⁾, Xơ-đăng⁽⁵⁹⁾ v.v....

10. *Hôn nhân cư trú luân phiên* - Tài liệu dân tộc học Việt Nam cung cấp cho ta rất ít hình thái cư trú này. Theo Đặng Nghiêm Vạn ở người Xơ-đăng "thông thường cặp vợ chồng cư trú bên nhà trai một thời gian rồi chuyển sang nhà gái, và trình tự đó cứ tiếp tục. Thời hạn ở mỗi bên thường là ba đến năm năm"⁽⁶⁰⁾. Theo nhà dân tộc học Cẩm Trọng một bộ phận người Gia-rai nhóm Hdrung ở gần Pleiku có tập tục trước khi sinh con đầu lòng thì vợ chồng cư trú luân phiên sau một năm thì đổi chỗ. Khi sinh con người Gia-rai cư trú hẳn bên vợ.

11. *Hôn nhân với nơi cư trú mới* - Tài liệu dân tộc học nước ta cung cấp cho ta một số tài liệu về sự ra ở riêng của cặp vợ chồng cùng con cái của họ, sau một thời gian ở chung hoặc với gia đình bên vợ, hoặc với gia đình bên chồng.

Người Chơ-ro sau cưới xin, chồng cư trú bên vợ, sau một thời gian rồi ra ở riêng⁽⁶¹⁾. Người Khơ-me Nam Bộ như trên đã nói, sau cưới xin, chồng cư trú bên vợ, sau ít năm hoặc sau khi có con thì ra ở riêng v.v... Đối với cư dân sống ở đô thị, thành phố hiện nay, nói riêng đối với cán bộ nhân viên các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể cách mạng, các doanh nghiệp, v.v... thì sau khi thành lập gia đình, không hiếm trường hợp không cư trú bên vợ, cũng không cư trú bên chồng mà chọn nơi cư trú mới, riêng biệt, có khi cách rất xa nhà ở của bố mẹ 2 bên.

Với bài nghiên cứu này, chúng tôi không có tham vọng nêu lên một cách toàn diện, có hệ thống, và đầy đủ về các hình thái cư trú trong hôn nhân, mà chỉ có một mong muốn là nêu vấn đề, gợi mở vấn đề để các nhà dân tộc học nước ta quan tâm nhiều hơn nữa đến vấn đề này. Nước ta là quốc gia đa dân tộc, văn hoá các dân tộc nước ta phong phú và đa dạng. Biết đâu với tài liệu về quy tắc cư trú trong hôn nhân, ta sẽ có nhiều phát hiện mới, giúp cho hiểu biết thêm bản sắc dân tộc, và qua sự tích lũy các tài

liệu mới dân tộc học nước ta sẽ cung cấp cho dân tộc học thế giới nhiều tài liệu quý giá và hấp dẫn./.

QUY TẮC CƯ TRÚ TRONG HÔN NHÂN
(Tiếng Pháp Régulé de résidence)

TT	Hình thái cư trú	Thuật ngữ tiếng Pháp	Nội dung	Dẫn chứng
1	Hôn nhân cư trú hai nơi hoặc hôn nhân mà hai vợ chồng tiếp tục cư trú nơi sinh ra mình	duolocale Natolocale	Sau hôn lễ, vợ chồng không thiết lập một nơi cư trú chung mà mỗi người tiếp tục ở với bố mẹ đẻ mình, ở nơi mình sinh ra.	Người Nayar và người Nùng và một bộ phận người Tày trước khi sinh con đầu lòng.
2	Hôn nhân cư trú bên vợ (trong một nhà với mẹ vợ)	matrilocale	Sau hôn lễ, đôi vợ chồng mới cưới cư trú trong nhà của mẹ đẻ của vợ.	Iroqua, manang- kabau, Người gia-rai, Êđê, Chăm, Raglai, Chu ru, Cơ ho, Chơ- ro, v.v.
3	Hôn nhân cư trú bên vợ (trong một nhà gần nhà của mẹ vợ)	uxurilocale hoặc matri- uxurilocale	Sau hôn lễ, đôi vợ chồng mới, cư trú trong một nhà gần nhà của mẹ đẻ của vợ.	Người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long
4	Hôn nhân cư trú bên cậu của chồng	Arunculocale hoặc viri- avunculocale hay avuncu - Virilocale	Sau hôn lễ, đôi vợ chồng đến cư trú bên phía cậu (anh em trai của mẹ) của chồng.	Cư dân đảo trobriand, người Thái đen Tây Bắc Việt Nam
5	Hôn nhân cư trú lúc đầu bên vợ, sau một thời gian mới chuyển về cư trú bên chồng.	matri - patrilocale	Sau hôn lễ, lúc đầu 2 vợ chồng cư trú bên phía vợ, sau một thời gian mới chuyển hẳn và vĩnh viễn sang cư trú bên chồng.	Người Nùng Việt Nam, một bộ phận người Tày.
6	Hôn nhân cư trú bên chồng (trong một nhà với bố chồng)	Patrilocale	Sau hôn lễ, 2 vợ chồng cư trú trong nhà của bố đẻ của chồng	Người Hy Lạp, La mã, thời nguyên thủy, người Nga, Hán, người Kinh, Vân Kiều, Hmông, Dao, Thái, v.v.
7	Hôn nhân cư trú bên chồng (trong một nhà gần nhà của bố chồng)	Virilocale hay patri- Virilocale	Sau hôn lễ, 2 vợ chồng cư trú trong một nhà, gần nhà của bố đẻ của chồng	Người Việt
8	Hôn nhân cư trú bên cô của vợ	Arutalocale	Sau hôn lễ 2 vợ chồng cư trú bên phía cô (chị em gái của bố) của vợ	Không có
9	Hôn nhân cư trú do thoả thuận	bilocale hay Ambilocale	Sau hôn lễ 2 vợ chồng cư trú bên nào (bên vợ hay bên chồng) là do sự thoả thuận, sự thuận lợi thường là do yếu tố tài sản, địa vị xã hội của bên trội hơn quyết định	Cư dân đảo Gilbert, Người Ba na, Hrê, Giê -Triêng, Xơ đăng.
10	Hôn nhân cư trú luân phiên	Alterneé	Sau hôn lễ, vợ chồng cư trú luân phiên, ví dụ bên vợ 1 thời gian rồi sang cư trú bên chồng. Thời gian quy định qua, lại chuyển về cư trú bên vợ	Cư dân đảo Đôbu, một bộ phận người Gia rai trước khi sinh con đầu lòng
11	Hôn nhân với nơi cư trú mới	Néolocale	Sau hôn lễ, hai vợ chồng không cư trú bên vợ, cũng không cư trú bên chồng, mà cư trú ở 1 nơi mới có khi cách xa cả 2 gia đình 2 bên	Người Việt...

CHÚ THÍCH

- (¹). Clau de Le' - Strauss : Lé structres e'le'mentaires de la parente', Paris, 1997, tr. 248
- (²). Alexander Alland: Re'sidence, Domicile and Descent groups among the Abron of the Ivory cost". Ethnology (2) 1963
- (³). Paul Bohannan: An Alternate Residence Classification. American Anthropologist, 1957 (59)
- (⁴). J. L. Fisches : The classification of Residence in Census. American Anthropologist, (60) 1958
- (⁵). Ward H. Goodenough : Residence Rules. Southwestern Journal of Anthropology, (12) 1956 a
- (⁶). George P. Murdock: Social Structure, New York, 1949
- (⁷). Claude Le'vi Strauss: Les structures e'le'mentaires de la parente', Paris, 1977.
- (⁸). Robin Fox: Athropologie de la parente', Gallimard, 1972
- (⁹). Jean Gniart: Clefs pour l'ethnologie, Paris, 1971.
- (¹⁰). Michel Panoff, Michel Perrin: *Dictionnaire de l' Ethnologic*, Paris, 1973, tr. 19.
E. L. Schusky: Manual for kinship analysis, USA, 1965, tr. 72
- (¹¹). Robin Fox: *Anthrogologic de la parente*, Gallimard, 1972, tr.85, 99,100
- (¹²). Jean Guiart: *Clefs pour l' ethnologic*, Paris 1971, 34
- (¹³). Ph. Ang ghen: Nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và của Nhà nước, Các Mác và Ang ghen Toàn tập, tập 21, H. 1995 (Thị tộc Jrô qua), tr. 130 - 150
- (¹⁴). Robin Fox: Kinship and Marriiage, England, 1971, tr.84
- (¹⁵). Robin Fox: Kinship and Marriiage, England, 1971, tr. 101, 102
- (¹⁶). Roger M. Kessing: kin goupes and sosial structure, USA, 1975, tr. 147
- (¹⁷). Roger M. Kessing: kin goupes and sosial structure, USA, 1975, tr. 68
- (¹⁸). Ernest L.Schusky: Manual for Kinship Analysis, USA, 1965, tr. 77
- (¹⁹). Ph. Ang ghen: Nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và của Nhà nước (chương thị tộc Hy lập tr. 161 -164) và chương Thị tộc và Nhà nước La Mã (tr. 191 -195)
- (²⁰). Jean Guiart: *Clefs pour l' ethnologic*, paris 1971, tr. 34
- (²¹). Robin Fox: *Anthrogologic de la parente*, Gallimard, 1972, tr.154 - 159, 164 - 165
- (²²). Robin Fox: *Anthrogologic de la parente*, Gallimard, 1972, tr.154 - 159, 164 - 165
- (²³). Michel Panoff, Michel Perrin: *Dictionnaire de l' Ethnologic*, Paris, 1973, tr. 17.
- (²⁴). Michel Panoff, Michel Perrin: *Dictionnaire de l' Ethnologic*, Paris, 1973, tr. 17.
- (²⁵). ĐặngNghiem Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng : *Les ethnics minoritaires du Vietnam*, H. 1986
- (²⁶). ĐặngNghiem Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng .Sách đã dẫn.tr, 252
- (²⁷). ĐặngNghiem Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. tr, 261
- (²⁸). ĐặngNghiem Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. tr, 268
- (²⁹). ĐặngNghiem Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. tr, 274
- (³⁰). ĐặngNghiem Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. tr, 280

- (³¹). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. tr, 73
- (³²). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. tr, 135
- (³³). Lâm Thanh Tông : *Một số đặc điểm cư trú của người Khome ở Sóc Trăng*,
 Tạp chí Dân tộc học, số 4- 1977, tr.31
- (³⁴). Hoàng Nam; *Dân tộc Nùng ở Việt Nam*, H. 1992, tr.203
- (³⁵). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. tr. 182
- (³⁶). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. tr. 40
- (³⁷). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. tr 92
- (³⁸). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. tr. 95
- (³⁹). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. Tr. 107
- (⁴⁰). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. Tr. 116
- (⁴¹). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. Tr. 120
- (⁴²). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. Tr. 147
- (⁴³). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. Tr. 153
- (⁴⁴). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. Tr. 168
- (⁴⁵). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. Tr. 181
- (⁴⁶). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. Tr. 199
- (⁴⁷). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. Tr. 208
- (⁴⁸). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng Sách đã dẫn. Tr. 220
- (⁴⁹). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. Tr. 227
- (⁵⁰). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. Tr. 286
- (⁵¹). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. Tr. 292 -293
- (⁵²). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. Tr. 298
- (⁵³). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. Tr. 307
- (⁵⁴). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. Tr. 317
- (⁵⁵). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. Tr. 324 -325
- (⁵⁶). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. Tr. 59
- (⁵⁷). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. Tr. 125
- (⁵⁸). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. Tr. 135
- (⁵⁹). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. Tr.78

Riêng về người Hrê xem thêm Lưu Hùng : Góp phần nghiên cứu song hệ ở dân tộc Hrê - Tạp chí Dân tộc học, số 3 - 1983, tr. 41

- (⁶⁰). Đặng Nghiêm Vạn..... *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*, tr. 213
- (⁶¹). Đặng Nghiêm Vạn, Chu Thái Sơn, Lưu Hùng. Sách đã dẫn. Tr. 135